

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TÍCH HỢP CỦA SINH VIÊN – CÁCH TIẾP CẬN TỪ HỌC PHẦN PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

DEVELOPING STUDENTS' INTEGRATED COMPETENCY – AN APPROACH TO FINANCIAL STATEMENTS ANALYSIS COURSES

Trần Thị Thu Trâm

Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum; Email: tttram@kontum.udn.vn

Tóm tắt - Để tìm được công việc và thành công sau khi tốt nghiệp, sinh viên cần đạt được chuẩn đầu ra của ngành, nghĩa là họ không chỉ phải nắm vững kiến thức về chuyên ngành được đào tạo mà còn cần đạt được các kỹ năng quan trọng khác, mà phần lớn các kiến thức và kỹ năng này sẽ được hình thành trong thời gian được đào tạo tại nhà trường. Bài viết này trình bày ứng dụng hai mô hình khung năng lực quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu công việc của sinh viên chuyên ngành kế toán, đó là Khung năng lực tích hợp (Lawson và các cộng sự, 2014) và Khung năng lực cốt lõi của Viện kế toán viên công chứng Mỹ (AICPA, 2015). Thông qua đó, một số năng lực được sử dụng làm kim chỉ nam để thiết kế tiến trình dạy-học-đánh giá trong học phần Phân tích tài chính doanh nghiệp, gồm xác định mục tiêu học tập, xây dựng bài giảng và bài tập, các hoạt động hỗ trợ và đánh giá.

Từ khóa - Năng lực; khung năng lực quốc tế; chuẩn đầu ra; phân tích tài chính doanh nghiệp; giảng dạy; đánh giá.

1. Đặt vấn đề

Năng lực có thể được hiểu là một tập hợp gồm kiến thức, kỹ năng và khả năng được yêu cầu nhằm đáp ứng nhu cầu công việc. Khi gia nhập AEC, lao động có tay nghề giữa các nước thành viên ở 8 ngành nghề: kế toán, kiến trúc sư, nha sĩ, bác sĩ, điều dưỡng, kỹ sư, vận chuyển và nhân viên ngành du lịch được công nhận tay nghề tương đương. Do đó sẽ dẫn đến sự dịch chuyển về lao động có tay nghề ở các doanh nghiệp Việt Nam (20% lao động Việt Nam có kỹ năng chuyên môn¹) sang các doanh nghiệp khác và một bộ phận lao động bị thay thế bởi lao động nước ngoài có tay nghề thâm nhập vào thị trường lao động nước ta. Ngoài ra, theo nghiên cứu của công ty nhân sự Jobstreet.com vào tháng 3 năm 2016 tại Việt Nam, nhu cầu tuyển dụng nhân lực ngành kế toán-kiểm toán của các doanh nghiệp vẫn trong top 3 những ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng cao nhất. Tuy nhiên, cũng theo thông tin phản hồi từ các doanh nghiệp tuyển dụng nhân sự cho bộ phận kế toán thì có đến 80%-90% sinh viên được tuyển dụng chưa có khả năng tiếp cận ngay với công việc². Do đó, để có thể cạnh tranh ở thị trường lao động trong nước cũng như ở nước ngoài, mỗi cá nhân cần trang bị cho mình những năng lực cần thiết. Theo Diễn

Abstract - In order to get jobs and gain success after graduation, students need to achieve learning outcome standards for their discipline, in other words, they are supposed to master not only professional knowledge but also other important skills (hereinafter referred to as competencies), and most of these competencies are to be formed during their learning time at universities. This article introduces the application of two international competency frameworks, Integrated Competency-Based Framework (Lawson et al, 2014) and Core Competency Framework by American Institute of CPAs (AICPA, 2015), in order to meet job demands of accounting students. Accordingly, a number of these competencies are used as guiding principles in designing teaching, learning and assessment syllabus for Financial Statement Analysis Courses, including determining learning objectives, developing lesson plans, assignments as well as supporting activities and assessment tools.

Key words - Competency; international competency framework; learning outcome standards; financial statement analysis; teaching; assessment.

đàn kinh tế thế giới (World Economy Forum-WEF), cho đến năm 2020, người lao động cần đạt 10 kỹ năng chủ yếu được liệt kê theo thứ tự quan trọng giảm dần như sau: giải quyết vấn đề phức tạp, tư duy phản biện, sáng tạo, quản lý con người, hợp tác, trí tuệ cảm xúc, đánh giá và ra quyết định, hướng dịch vụ, đàm phán và nhận thức linh hoạt. Đối với lĩnh vực hành nghề kế toán, một số nghiên cứu đã được thực hiện nhằm xác định các năng lực cơ bản đối với cá nhân hoạt động trong ngành nghề này; chẳng hạn như AICPA (2015); De Lange, Jackling và Gut (2006); Kavanagh và Drennan (2008); Lawson và các cộng sự (2014). Các nghiên cứu này cũng xác định một số năng lực cần thiết, trùng khớp với nghiên cứu của WEF như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và ra quyết định hay quản lý con người. Do vậy, để hoạt động đào tạo tại nhà trường gắn liền với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp, mỗi học phần cần được thiết kế sao cho sinh viên có thể đạt được các năng lực trên. Bài viết này lấy ví dụ minh họa sự vận dụng các năng lực trên trong giảng dạy và đánh giá đối với môn học Phân tích tài chính doanh nghiệp.

2. Giới thiệu hai khung năng lực đối với sinh viên chuyên ngành kế toán

Mặc dù có nhiều nghiên cứu xác định các năng lực cần thiết đối với kế toán viên trong môi trường làm việc, trong đó, các năng lực này được trình bày có hệ thống hơn cả và mới nhất theo kết quả của AICPA (2015) và của Lawson và các cộng sự (2014). Chính vì vậy, tác giả đã sử dụng các yếu tố thuộc hai khung năng lực trên làm nền tảng trong bài viết này.

¹AEC: Cơ hội lớn, thách thức nhiều (Kỳ 3: Nâng cao năng lực cạnh tranh để hội nhập thành công), <http://www.moit.gov.vn/vn/tin-tuc/4773/aec-co-hoi-lon-thach-thuc-nhieu-%28ky-3-nang-cao-nang-luc-canh-tranh-de-hoi-nhap-thanh-cong%29.aspx>

² <http://tuyensinh.dainam.edu.vn/khoa-ke-toan-dai-hoc-dai-nam-dao-tao-nha-thuc-hanh-ve-ke-toan-kiem-toan.htm>

2.1. Khung năng lực của AICPA năm 2015

2.1.1. *Năng lực hữu dụng*: là năng lực chuyên môn có mối quan hệ mật thiết với nghề nghiệp, gồm:

- Ra quyết định
- Phân tích và kiểm soát rủi ro
- Đo lường
- Báo cáo
- Nghiên cứu
- Sử dụng công nghệ kỹ thuật để nâng cao năng lực hữu dụng

2.1.2. *Năng lực cá nhân*: liên quan đến hành vi và thái độ của chuyên gia kế toán tiềm năng. Phát triển các năng lực cá nhân này sẽ giúp nâng cao cách thức mà các mối quan hệ nghề nghiệp được vận dụng để hỗ trợ cho học tập và phát triển cá nhân. Các năng lực này bao gồm:

- Thái độ chuyên nghiệp
- Giải quyết vấn đề và ra quyết định
- Tương tác
- Lãnh đạo
- Truyền thông
- Quản trị dự án
- Sử dụng công nghệ kỹ thuật để nâng cao năng lực cá nhân

2.1.3. *Năng lực bao quát ngành nghề*: liên quan đến quan điểm/cách nhìn nhận và yêu cầu kỹ năng xem xét bên trong và bên ngoài môi trường tác nghiệp và mối quan hệ tác động giữa chúng để tạo nên thành công hay thất bại. Họ phải quen thuộc với thực tiễn của môi trường nghề nghiệp. Các kỹ năng này bao gồm:

- Tư duy phân biện
- Quan điểm ngành/lĩnh vực
- Quan điểm toàn cầu/quốc tế
- Quản lý nguồn lực
- Quan điểm luật pháp
- Tập trung vào khách hàng
- Sử dụng công nghệ để phát triển năng lực bao quát ngành nghề

2.2. Khung năng lực theo nghiên cứu của Lawson và các cộng sự (2014)

2.2.1. *Năng lực cơ bản*: Đây là năng lực cần thiết chung cho sinh viên các trường đào tạo về kinh tế. Nó hỗ trợ các năng lực kế toán cụ thể và các năng lực quản trị khác, nhằm giúp sinh viên chuẩn bị cho công việc, bao gồm:

- Truyền thông/Truyền đạt
- Sử dụng các công cụ định lượng
- Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề
- Tương tác
- Sử dụng công nghệ

2.2.2. *Năng lực kế toán*: cho phép kế toán viên phối hợp các phương pháp quản trị và kế toán, với sự hỗ trợ của

công nghệ kỹ thuật, giúp doanh nghiệp hình thành và thực thi thành công chiến lược. Bao gồm các năng lực sau:

- Lập và phân tích báo cáo
- Hoạch định, phân tích và kiểm soát
- Thực hiện và lập kế hoạch về thuế
- Hệ thống thông tin
- Bảo đảm và kiểm soát nội bộ
- Thái độ, đạo đức và giá trị nghề nghiệp

2.2.3. *Năng lực quản trị bao quát*: Đào tạo ngành nghề phải giúp sinh viên phát triển được năng lực quản lý bao quát. Sở hữu được những năng lực này giúp kế toán viên làm việc và hợp tác hiệu quả với các thành viên khác của tổ chức. Những năng lực này rất cần thiết cho những ai mong muốn trở thành nhà quản trị hay nhà điều hành thành công, bao gồm:

- Lãnh đạo
- Đạo đức và trách nhiệm xã hội
- Quản lý và phát triển tiến trình
- Quản trị, quản lý rủi ro và tuân thủ
- Năng lực quản trị khác

Bảng 1. Yếu tố được vận dụng thuộc khung năng lực tích hợp của Lawson và các cộng sự

Năng lực thuộc khung	Vận dụng trong học phần
<i>Năng lực cơ bản</i>	
Truyền thông	Làm việc và chuẩn bị báo cáo nhóm
Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề	Thực hiện nghiên cứu về công ty trong cùng ngành. Đánh giá công ty thông qua chiều hướng của dữ liệu và các bằng chứng khác
Tương tác	Làm việc với người khác để tạo nên báo cáo nhóm và đánh giá đồng nghiệp dựa trên những tiêu chí được gợi ý
Công nghệ	Dùng Excell để phân tích dữ liệu và tạo đồ thị
<i>Năng lực kế toán</i>	
Lập và phân tích báo cáo	Chuẩn bị và định dạng dữ liệu cho phân tích và trình bày, cũng như phân tích dữ liệu tài chính
<i>Năng lực quản trị bao quát</i>	
Lãnh đạo	Làm việc nhóm

3. Vận dụng khung năng lực để thiết kế chương trình giảng dạy và đánh giá.

Hầu hết chương trình đào tạo kế toán của các trường đại học công lập của Việt Nam, đều bao gồm các học phần thuộc chuyên ngành như Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Hệ thống thông tin kế toán, Phân tích tài chính doanh nghiệp, Kiểm toán căn bản và Kiểm toán tài chính. Trong học phần Phân tích tài chính doanh nghiệp, sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức cơ bản về đánh giá tình

hình tài chính của doanh nghiệp thông qua hệ thống báo cáo tài chính (BCTC), chẳng hạn như phân tích cấu trúc tài chính, phân tích hiệu quả hoạt động và phân tích khả năng thanh toán. Học phần này giúp sinh viên đạt được một số chuẩn đầu ra đối với ngành kế toán hệ đại học chính quy, đó là: nắm vững kiến thức chuyên môn và có kỹ năng, năng lực về phân tích, đánh giá tài chính doanh nghiệp; sử dụng thành thạo tin học văn phòng; có khả năng làm việc nhóm và giao tiếp tốt. Phạm vi bài viết sẽ ứng dụng một số yếu tố thuộc hai khung năng lực đã trình bày ở trên (Bảng 1 và Bảng 2) nhằm thiết kế chương trình giảng dạy và phương pháp đánh giá sinh viên trong học phần này, cụ thể: (1) lựa chọn một số năng lực phù hợp để tạo thành mục tiêu học tập, (2) từ mục tiêu học tập, xây dựng nội dung bài giảng và bài tập, (3) thực hiện các hoạt động hỗ trợ sinh viên (nếu cần) và (4) đánh giá (sử dụng rubrics).

3.1. Xác định mục tiêu học tập: Mục tiêu học tập sẽ ảnh hưởng đến nội dung bài tập và cách thức mà bài tập được triển khai thực hiện (Anson, 2007). Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể phân tích, giải thích dữ liệu tài chính của một công ty, sau đó trình bày các thông tin này vào một báo cáo tổng hợp. Cụ thể, sinh viên sẽ đạt được các kỹ năng sau:

- Tìm kiếm dữ liệu tài chính ban đầu của công ty (báo cáo tài chính, giá cổ phiếu và khối lượng giao dịch).
- Sử dụng kỹ năng Excell để trình bày và phân tích dữ liệu.
- Vận dụng kỹ năng nghiên cứu để đánh giá chiến lược của doanh nghiệp, tình hình hoạt động của doanh nghiệp và của ngành.
- Sử dụng kỹ năng phân tích để so sánh tình hình tài chính của các doanh nghiệp trong cùng ngành.
- Làm việc nhóm để tạo ra báo cáo nghiên cứu tổng hợp.
- Đánh giá đồng nghiệp.

Bảng 2. Yếu tố được vận dụng thuộc khung năng lực cốt lõi của AICPA 2015

Năng lực thuộc khung	Vận dụng trong học phần
<i>Năng lực hữu dụng</i>	
Báo cáo	Chuẩn bị và định dạng dữ liệu cho phân tích và trình bày
Nghiên cứu	So sánh dữ liệu trên BCTC của các công ty trong cùng ngành
Sử dụng công nghệ	Dùng Excell để phân tích dữ liệu và tạo đồ thị
<i>Năng lực cá nhân</i>	
Giải quyết vấn đề và ra quyết định	Giải quyết vấn đề: giải thích và so sánh các chỉ số tài chính của các công ty cùng ngành. Ra quyết định: đưa ra ý kiến về triển vọng của công ty

Tương tác	Làm việc với người khác để tạo nên báo cáo nhóm và đánh giá đồng nghiệp dựa trên những tiêu chí được gợi ý
Lãnh đạo	Làm việc nhóm
Truyền thông	Làm việc và chuẩn bị báo cáo nhóm
Quản trị dự án	Làm việc với người khác để đạt được các mục tiêu quan trọng và đảm bảo đúng thời hạn.
<i>Năng lực bao quát ngành</i>	
Tư duy phân biện/phê phán	Tổng hợp nghiên cứu đã thực hiện, từ đó biết triển vọng của doanh nghiệp
Quan điểm ngành	Nhận diện cơ hội và rủi ro khi đánh giá triển vọng của doanh nghiệp

3.2. Xây dựng bài giảng và bài tập đánh giá

Tương ứng với các mục tiêu học tập, bài giảng sẽ được thiết kế sao cho bảo đảm đầy đủ nội dung lý thuyết gồm phương pháp phân tích, nguồn dữ liệu phân tích và xây dựng chỉ tiêu phân tích. Bài tập đánh giá sinh viên trong học phần này gồm 2 phần: thực hành cá nhân trên ứng dụng Excell và bài báo cáo nhóm. Theo đó, giảng viên cung cấp danh sách các công ty niêm yết thuộc các ngành/lĩnh vực kinh doanh khác nhau (bảo đảm có khoảng 2 hoặc 3 doanh nghiệp trong cùng ngành/lĩnh vực), sau đó yêu cầu mỗi sinh viên lựa chọn một công ty, các sinh viên cùng chọn công ty như nhau sẽ thành lập thành một nhóm (số lượng sinh viên mỗi nhóm căn cứ vào sĩ số của lớp, mỗi nhóm không có quá 6 sinh viên và số lượng thành viên mỗi nhóm phải bằng hoặc xấp xỉ nhau).

3.2.1 Bài tập cá nhân

Trước hết, mỗi sinh viên sẽ tự tìm và tải dữ liệu tài chính ban đầu của công ty mà mình đã lựa chọn, số liệu trên báo cáo tài chính cần được nhập vào Excell. Theo kết quả của các nghiên cứu và kết quả này cũng hoàn toàn đúng ở Việt Nam, đó là nhà tuyển dụng mong muốn lựa chọn được các sinh viên có kỹ năng về Excell, chẳng hạn, thực hiện các kỹ thuật cơ bản như cộng, trừ, nhân, chia, sắp xếp, định dạng. Chính vì vậy, bài tập cá nhân sẽ yêu cầu mỗi sinh viên phải thực hiện thành thạo các thao tác này. Cụ thể, sinh viên phải thực hiện phân tích ngang (phân tích xu hướng) và phân tích dọc (phân tích tỷ trọng), tính toán các tỷ số và vẽ đồ thị đối với dữ liệu trên bảng cân đối kế toán (BCĐKT) và báo cáo kết quả kinh doanh (BCKQKD).

3.2.2 Báo cáo nhóm

Căn cứ vào bài tập Excell của từng cá nhân, mỗi nhóm sẽ thực hiện một báo cáo tổng hợp về công ty đã chọn. Bài tập này giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghiên cứu bằng cách phân tích dữ liệu hàng năm của công ty, tin tức từ công thông tin điện tử chính thức của công ty cũng như thông tin thông qua báo chí và truyền hình. Nội dung của bài báo cáo nhóm bao gồm phân tích chiến lược, tình hình

và kết quả kinh doanh của công ty. Cụ thể, sinh viên cần trình bày những thông tin cơ bản về doanh nghiệp (tên, địa chỉ, mã chứng khoán...), phân tích BCTC, so sánh dữ liệu của công ty với đối thủ cạnh tranh và đưa ra kết luận.

3.3. Hoạt động hỗ trợ

Nhằm giúp sinh viên dễ dàng đạt được các kỹ năng trên, giảng viên cần thực hiện các hoạt động hỗ trợ trong quá trình thực hiện bài tập (cá nhân và nhóm), bao gồm:

3.3.1. Hoạt động tại lớp về phân tích các chỉ số tài chính: Giảng viên lấy BCTC của 1 công ty (không trùng với các công ty mà sinh viên đã chọn), nhập dữ liệu vào Excell, tập tin này cũng sẽ bao gồm một bảng tính trong đó đưa ra công thức tính toán của các chỉ số tài chính. Sau đó, sinh viên sẽ làm việc theo cặp để tính toán lại các chỉ số này và thảo luận để biết các chỉ số này được sử dụng như thế nào trong đánh giá lợi nhuận, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán. Giảng viên cũng cần lưu ý với sinh viên về sự khác nhau trong quan điểm phân tích và nguồn dữ liệu sẽ ảnh hưởng đến cách xác định các chỉ số (chẳng hạn như, sử dụng lợi nhuận sau thuế hay lợi nhuận trước thuế khi tính toán tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA), sử dụng doanh thu chưa thu tiền hay doanh thu thuần để xác định vòng quay nợ phải thu...).

3.3.2. Thực hành tại phòng máy: Trước khi học chuyên ngành, sinh viên đã được học môn Tin học đại cương. Môn học này giúp sinh viên thực hiện được các thao tác về các ứng dụng tin học văn phòng, tuy nhiên, mức độ còn đơn giản và chưa sát sườn với chuyên ngành được đào tạo. Vì vậy, giảng viên sẽ bố trí một vài tiết thực hành tại phòng máy nhằm giúp sinh viên củng cố và nâng cao kỹ năng này, đặc biệt là kỹ năng sử dụng Excell. Trong phần này, sinh viên cần chuẩn bị tập tin Excell với dữ liệu của BCDKT và BCKQKD được nhập sẵn. Số liệu sẽ được định dạng (phân cách hàng nghìn, số âm...) và thực hiện các phép tính tổng đơn giản (tổng tài sản ngắn hạn, tổng tài sản dài hạn, tổng TS...). Sau đó, sẽ thực hiện phân tích ngang, phân tích dọc và phân tích chỉ số. Bên cạnh đó, sinh viên phải vẽ đồ thị hình tròn (đồ thị bánh) để thể hiện cơ cấu tài sản (hoặc nguồn vốn), đồ thị biến động giá và khối lượng giao dịch cổ phiếu công ty. Mục đích của bài tập này là giúp sinh viên tìm hiểu các chức năng khác nhau của Excell liên quan đến công thức toán và đồ thị. Sinh viên được khuyến khích tự thực hiện các bài tập trên trước khi được giảng viên hướng dẫn.

3.3.3. Tương tác Excell tại lớp: Hoạt động này giúp sinh viên khám phá cách thức trình bày dữ liệu hiệu quả, cũng như giải đáp các thắc mắc hoặc lỗi thường gặp của sinh viên khi trình bày dữ liệu trên Excell. Khoảng một tuần sau buổi thực hành tại phòng máy, mỗi sinh viên sẽ trình bày kết quả thực hiện theo yêu cầu của giảng viên trên Excell để các bạn khác so sánh (kết quả tính toán) và cho nhận xét về hình thức (dựa trên gợi ý đã cho sẵn của giảng viên). Thông qua phần này, sinh viên sẽ rút ra được những mẹo định dạng phổ biến, cũng như phím hoặc tổ hợp phím “nóng” trên Excell. Sau cùng, dựa trên dữ liệu đã được tính toán trùng khớp, sinh viên có thể thực hiện những phân tích ban đầu về tình hình tài chính của công ty.

3.3.4. Bản nháp của báo cáo và tương tác nội bộ nhóm: Hoạt động này giúp hình thành và phát triển kỹ năng làm việc nhóm, bao gồm (1) tìm hiểu sản phẩm và chiến lược của công ty thông qua cổng thông tin điện tử của doanh nghiệp và tin tức báo chí, chuyên tải thông tin về xu hướng của dữ liệu tài chính như chiều hướng của doanh thu, lợi nhuận, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán, (2) nhận định về ngành/lĩnh vực, so sánh công ty với đối thủ cạnh tranh và với bình quân ngành, kết luận về triển vọng của công ty. Một tuần sau khi nộp, bản nháp của mỗi nhóm sẽ được trao đổi với nhóm trong cùng ngành/lĩnh vực để được nhận xét về nội dung (có đầy đủ theo yêu cầu hay không) và hình thức. Nhận xét của sinh viên được đưa ra dựa trên các câu hỏi do giảng viên chuẩn bị trước. Các nhóm trong cùng ngành sẽ nhận bài về nhà nhận xét, sau đó mang đến lớp để trao đổi các bình luận. Cuối cùng, một bản báo cáo chính thức sẽ được nộp lại sau khi chỉnh sửa từ những góp ý phù hợp, xác đáng. Hoạt động này giúp sinh viên nhận thức được rằng, viết và chuẩn bị báo cáo nghề nghiệp là một quá trình lặp đi lặp lại bao gồm viết, nhận phản hồi và chỉnh sửa; đồng thời bước đầu cho sinh viên cơ hội để rèn luyện kỹ năng cho và nhận phản hồi.

4. Đánh giá

Nhằm hướng sự tập trung vào những nội dung mang tính trọng yếu và phát huy hết năng lực của sinh viên, bài tập đánh giá cần được thiết kế gồm các yêu cầu gắn liền với điểm số. Bên cạnh đó, giảng viên sẽ sử dụng rubrics để đánh giá kết quả học tập thông qua xác định các tiêu chí và hướng dẫn phạm vi đánh giá. Việc làm này là đáng tin cậy và công bằng vì hoạt động đánh giá được thực hiện nhất quán và xác định rõ ràng kỳ vọng đối với sinh viên; liên kết hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá. Với bài tập được thiết kế như trên, kết quả học tập đối với học phần này được đánh giá dựa trên hai yếu tố, bao gồm:

+ Điểm cá nhân: căn cứ vào kết quả của bài tập cá nhân trên Excel như định dạng (tên các cột dữ liệu, kiểu chữ, bôi đậm, nghiêng, màu hay gạch chân nội dung bằng chữ, định dạng số như phân cách hàng nghìn, số thập phân) dùng dạng đồ thị có phù hợp (hình tròn đối với phân tích ngang và hình cột đối với phân tích dọc), công thức có phù hợp không...)

+ Điểm nhóm: phụ thuộc vào hình thức (lỗi chính tả, canh lề...) và nội dung. Nội dung bài báo cáo nhóm phải được chỉnh sửa theo phản hồi (đầy đủ 5 phần: chiến lược kinh doanh, báo cáo tài chính, đánh giá ngành, giá cổ phiếu, kết luận và triển vọng). Ngoài ra, điểm nhóm còn chịu ảnh hưởng bởi đánh giá lẫn nhau của các thành viên trong nhóm (theo mẫu có sẵn của giảng viên).

5. Kết luận

Đối với học phần Phân tích tài chính doanh nghiệp, việc xây dựng chương trình giảng dạy và đánh giá như trên giúp sinh viên tích hợp được các năng lực cần thiết để hỗ trợ công tác sau khi tốt nghiệp, ngoài khối lượng kiến thức được truyền đạt. Tuy nhiên, cách thực hiện này cũng gặp khá nhiều khó khăn, nhất là về thời gian thực hiện. Chính vì vậy, tùy thuộc vào đặc trưng của mỗi

học phần mà giảng viên có sự vận dụng linh hoạt hai mô hình năng lực trên và mang lại các kết quả khác nhau trong giảng dạy và đánh giá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Aicpa, (2015). Aicpa core competency framework & educational competency assessment website. <http://www.aicpa.org/interestareas/accountingeducation/resources/pages/corecompetency.aspx>
- [2] Anson, c. (2007). Warp and weft: reflections on the art of communication weaving. In n. Kassabgy & a. Elshimi (eds.), *sustaining excellence in 'communicating across the curriculum': cross-institutional experiences and best practices* (pp. 2-18). Newcastle, uk: cambridge scholars publishing.
- [3] De Lange, P., Jackling, B., & Gut, A. M. (2006). Accounting graduates' perceptions of skills emphasis in undergraduate courses: An investigation from two Victorian universities. *Accounting and Finance*, 46, 365–386.
- [4] <https://www.weforum.org/agenda/2016/01/the-10-skills-you-need-to-thrive-in-the-fourth-industrial-revolution/>
- [5] Kavanagh, M. H., & Drennan, L. (2008). What skills and attributes does an accounting graduate need? Evidence from student perceptions and employer expectations. *Accounting and Finance*, 48, 279–300.
- [6] Lawson và các cộng sự (2014). Focusing accounting curricula on students' long-run careers: Recommendations for an integrated competency-based framework for accounting education. *Issues in Accounting Education*, 29(2), 295-317.

(BBT nhận bài: 15/12/2016, phản biện xong: 25/12/2016)